

# UTZ CERTIFIED

so you know  
your product  
is **Good Inside**



## **Bộ Nguyên tắc UTZ CERTIFIED *Good Inside*** **Phụ lục cho Chứng nhận Nhóm** **Cho Cà phê**

Phiên bản Tháng 1.2009



Văn kiện này được cung cấp miễn phí dưới dạng văn bản điện tử  
trên trang web của UTZ CERTIFIED *Good Inside*:

[www.utzcertified.org](http://www.utzcertified.org)

Nếu không thể tiếp cận văn bản điện tử này, bạn có thể viết cho chúng tôi theo  
địa chỉ này để nhận được bản in với giá bù đắp chi phí:

UTZ CERTIFIED *Good Inside*  
Prins Hendrikkade 25  
1012 TM Amsterdam  
The Netherlands

Văn kiện này cũng có bản tiếng Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nhật Bản và Việt Nam

Xin gửi những ý kiến góp ý đến :

[certification@utzcertified.org](mailto:certification@utzcertified.org)

Hay thông qua đường thư tín thông thường tới địa chỉ:

UTZ CERTIFIED *Good Inside*  
Certification Department  
Prins Hendrikkade 25  
1012 TM Amsterdam  
The Netherlands



Phụ lục này gồm hai công cụ quan trọng giúp diễn giải và thực hiện các tiêu chí thanh tra. Đó là:

- **‘Hướng dẫn chung’**. ‘Hướng dẫn chung’ đưa ra những giải thích và thông tin hữu ích về làm thế nào để tuân thủ các tiêu chí thanh tra.
- **‘Hướng dẫn dành cho ICS’**. Văn bản này là tài liệu tham khảo cho nhóm người sản xuất về việc diễn giải và thực hiện các tiêu chí thanh tra như thế nào trong chứng nhận nhóm với hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS)/hệ thống quản lý nội bộ (IMS). ‘Hướng dẫn dành cho ICS’, trong một số trường hợp đưa ra những chỉ số cụ thể (liên quan đến chứng nhận nhóm) về làm thế nào đảm bảo tuân thủ các tiêu chí thanh tra. Một vài tiêu chí thanh tra không bắt buộc được đánh giá trong chứng nhận nhóm. Trong hướng dẫn dành cho ICS chỉ rõ: ‘Chỉ bắt buộc với đơn vị độc lập’ (như chứng nhận trang trại độc lập).

Cả hai công cụ này có cấu trúc như Bộ Nguyên tắc, có nghĩa là những hướng dẫn liên quan trực tiếp đến các tiêu chí thanh tra. Cả ‘Hướng dẫn chung’ và ‘Hướng dẫn dành cho ICS’ sẽ được cập nhật thường xuyên hơn Bộ Nguyên Tắc.

UTZ CERTIFIED có toàn quyền ban hành và sửa đổi nội dung của văn bản này.



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
<b>1. TÍNH TRUY NGUYÊN, NHẬN DẠNG VÀ PHÂN BIỆT SẢN PHẨM</b>		
<p>Chương này đề cập đến tính truy nguyên, đặc trưng và phân loại sản phẩm đối với cà phê UTZ CERTIFIED. Nhà sản xuất phải luôn có thể chỉ ra cà phê của mình đến từ đâu và đi đâu. Để đảm bảo với độ tin tưởng cao là cà phê UTZ CERTIFIED thực sự có xuất xứ từ các nhà sản xuất UTZ CERTIFIED, cà phê UTZ CERTIFIED phải được phân loại chặt chẽ tách riêng khỏi các loại cà phê không phải là UTZ CERTIFIED trong suốt qui trình sản xuất và chế biến.</p>		
1.A.1	Cần có một hệ thống có thể chỉ ra sản phẩm đến từ đâu và đi đâu.	<p>Một nhóm hộ sản xuất sẽ phải chỉ ra được có bao nhiêu cà phê của từng thành viên được giao tại điểm thu gom/kho chứa và cà phê được chuyển đi đâu từ đó. Một hộ sản xuất có vài lô, được quản lý như một đơn vị sản xuất, không cần duy trì khả năng truy nguyên cho đến từng lô.</p>
1.A.2	Đơn vị được chứng nhận có thể chỉ ra khi họ đi thuê chế biến ở ngoài với cà phê UTZ CERTIFIED, họ sẽ nhận lại chính cà phê UTZ CERTIFIED của mình.	
1.A.3	Hệ thống quản lý hồ sơ có bao gồm những bằng cứ về các giao dịch dưới hình thức hoá đơn, chứng từ.v.v..	<p>Những ghi chép về thu hoạch được lưu lại ở cấp độ ICS trung tâm, khi đây cũng là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện các thông báo bán hàng. Đơn vị được chứng nhận có lưu lại các chứng từ thanh toán cho người sản xuất cho cà phê của họ.</p>
1.A.4	Người này hay nhóm nhân sự này biết chương trình UTZ CERTIFIED hoạt động như thế nào, thường đọc các bản tin UTZ CERTIFIED và nếu cần thì biết cách thực hiện những thông báo bán hàng.	<p>Người này có thể được nhóm chọn và có trách nhiệm thông báo cho người sản xuất và có thể giải thích về chương trình cho các thành viên nhóm.</p>
1.A.5	Trong quá trình vận chuyển có lẫn cả cà phê UTZ CERTIFIED và cà phê không được chứng nhận, các bao bì phải được đánh dấu rõ ràng.	<p>Một ví dụ về cách thực hiện việc tách riêng cà phê được chứng nhận và không được chứng nhận là tiến hành thu hoạch vào các ngày/giai đoạn khác nhau đảm bảo quy trình làm việc tách biệt.</p>
1.A.6	Điều này có thể được làm với các biển báo trên cửa, phiếu hay nhãn mác gắn trên bao bì hay các palet. Nên phân biệt bằng logo UTZ CERTIFIED <i>Good Inside</i> .	
1.A.7	<p>Mẫu có số lô, ngày giao hàng, bán hàng và tên đơn vị được chứng nhận hay nguồn gốc cà phê. Mẫu được lưu trong điều kiện khô được bảo vệ khỏi hoá chất, mùi v.v..</p> <p>Trong trường hợp đơn vị được chứng nhận không có nơi lưu giữ như vậy, đơn vị nhận cà phê có thể là nhà kho hay cơ sở chế biến sẽ lưu giữ mẫu thay mặt cho đơn vị được chứng nhận.</p>	
<b>2. HỆ THỐNG QUẢN LÝ, LƯU TRỮ THÔNG TIN VÀ THANH TRA NỘI BỘ</b>		
<b>2.A Lưu trữ thông tin và xác định trang trại/vườn cà phê</b>		
2.A.1	<p>Diện tích sản xuất là tổng diện tích của tổ chức cũng như các vườn thuộc từng thành viên (bộ phận sản xuất). Bản đồ tổng thể có thể là bản đồ tự vẽ. Bản đồ tổng thể không cần thiết phải được vẽ đúng tỉ lệ.</p>	<p>Đây có thể là một bản đồ tổng thể trong đó chỉ rõ vị trí của tất cả các thành viên. Nếu không thể chỉ ra vị trí của từng thành viên, cũng có thể chỉ cần chỉ ra cụm các thành viên (làng) nếu hệ thống thanh tra nội bộ (ICS) có một hệ thống xác định các trang trại của các thành viên (ví dụ như cách xác định như nêu trong 2.A.2). Bản đồ tổng thể có thể được giữ tại ICS.</p>
2.A.2	<p>Những biển hiệu cố định phải nêu tên, số hay mã code được sơn trên tường, biển báo, phiến đá, hàng rào, v.v...</p>	<p>Một người (hộ) sản xuất có vài lô, được quản lý như một đơn vị sản xuất, có thể được xác định như một đơn vị hộ không cần xác định đến từng lô.</p>



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
2.A.3	<p>Nhiều vườn có thể được nhóm lại dưới một số hay code mã để quản lý hành chính nếu những vườn đó cùng thuộc một sự quản lý hay chủ sở hữu, nếu chúng có cùng đặc điểm và nếu chúng được canh tác như nhau. Một danh sách tất cả những ghi chép cần có được nêu trong tài liệu Hướng dẫn Thực hiện UTZ CERTIFIED, có thể lấy từ cổng thành viên của UTZ CERTIFIED.</p>	<p>Hồ sơ có thể được tiếp cận tại cấp độ ICS.</p>
<b>2.B Hệ thống quản lý và thanh tra nội bộ</b>		
2.B.1	<p>Việc thanh tra nội bộ này phải được ghi chép lưu hồ sơ hàng năm và sẽ được thanh tra viên độc lập xác nhận.</p>	<p>Việc thanh tra nội bộ bao gồm việc danh mục kiểm tra UTZ CERTIFIED đầy đủ được điền hoàn chỉnh bởi ban quản lý nhóm. Gồm cả phần tóm tắt và kết luận về những nhận định của ICS (thanh tra nội bộ) và đánh giá về những hoạt động quản lý. (Lưu ý, danh mục kiểm tra dùng cho thanh tra nội bộ có thể được điều chỉnh cho phù hợp với nhóm, thanh tra nội bộ tiến hành chỉ 1 lần cho toàn nhóm sẽ sử dụng danh mục kiểm tra UTZ CERTIFIED nguyên bản).</p>
2.B.2	<p>Kết quả đánh giá này cần được xuất trình là tài liệu tham khảo trong quá trình thanh tra độc lập của tổ chức chứng nhận và đơn vị cung cấp dịch vụ cho phép tổ chức chứng nhận được UTZ CERTIFIED uỷ quyền có thể tiếp cận để xác nhận những đánh giá này thông qua việc thanh tra thực tế những điểm có thể có nghi vấn.</p>	
2.B.3	<p>Kế hoạch quản lý tổng thể có đề cập đến những tiêu chí thanh tra sau: - 4.A.1 và 4.A.2 - 5.A.2 - 6.B.1 và 6.C.1 - 7.A - 8.A.1 và 8.A.2 - 9.A.1, 9.A.2 và 9.B.1 - 10.A.1 và 10.A.2 - 11.A.1, 11.A.2, 11.A.3 và 11.E.1</p>	<p>ICS xây dựng kế hoạch quản lý tổng thể và nó được sử dụng như là hướng dẫn cho người sản xuất.</p>
2.B.4	<p>Việc đánh giá rủi ro có quan tâm tối thiểu đến vấn đề khu vực đó có bị nhiễm OTA, hoá chất và lịch sử của khu đất đó. Nhiệm vụ hoá chất bao gồm ít nhất là việc phun, xử lý, lưu kho hay vận chuyển. Các rủi ro có thể như rủi ro liên quan đến cơ cấu đất và độ màu, ô nhiễm và nhiễm bẩn nước.</p>	<p>Đánh giá rủi ro có thể được thực hiện ở cấp độ ICS</p>
<b>2.C Tính minh bạch và khả năng giải trình</b>		
<p>Chương trình UTZ CERTIFIED mong muốn tạo ra các lợi ích hữu hình và vô hình cho người sản xuất cà phê. Tính minh bạch liên quan đến số lượng và việc phân phối những lợi ích này, như tiền thưởng UTZ CERTIFIED, là một phần của sản xuất cà phê có trách nhiệm.</p>		
2.C.1	<p>Điều này chỉ áp dụng với cà phê được bán như là cà phê UTZ CERTIFIED, có nghĩa là có giá thưởng</p>	<p>Các thành viên của nhóm có quyền được biết giá thưởng được chia như thế nào.</p>
2.C.2	<p>Điều này liên quan đến những thắc mắc, ý tưởng và khiếu nại nội bộ trong tổ chức hay nhóm.</p>	<p>Công nhân hay thành viên các nhóm có thể tiếp xúc với người này.</p>
2.C.3	<p>Điều này liên quan đến các bên liên quan ngoài đơn vị như người mua hay nhà cung ứng .</p>	
2.C.4		



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
<b>3. GIỐNG VÀ CHỦNG LOẠI</b>		
<b>3.A Vườn ươm nội bộ và vườn ươm bên ngoài</b>		
<p>Một vườn ươm nội bộ là vườn ươm cà phê do từng người sản xuất hay nhóm hộ sản xuất (ví dụ như hợp tác xã) làm chủ và quản lý. Chỉ trong trường hợp này thì người sản xuất phải tuân thủ các tiêu chí thanh tra này.</p> <p>Vườn ươm bên ngoài là vườn ươm cà phê không do người sản xuất hay nhóm các hộ sản xuất sở hữu và quản lý. Vườn ươm bên ngoài là một đơn vị độc lập tách biệt mà nhà sản xuất hợp đồng cung cấp giống. Chỉ trong trường hợp này người sản xuất mới cần phải tuân thủ các tiêu chí thanh tra này.</p> <p>Tiêu chí 3.A.1 và 3.A.2 được áp dụng cho cả vườn ươm nội bộ và bên ngoài.</p>		
3.A.1	Người chịu trách nhiệm hiểu biết về những đặc điểm của các giống hiện có và loại nào có thể thích nghi tốt nhất với điều kiện cụ thể.	
3.A.2	Nếu giống được sử dụng hay giống có được từ nguồn phi thương mại, chỉ cần xác định chất lượng giống và tên loài.	
3.A.3		
3.A.4		
3.A.5		
<b>3.B Cây biến đổi gen</b>		
3.B.1		
<b>4. QUẢN LÝ ĐẤT</b>		
<p>Những tiêu chí thanh tra trong chương này là về duy trì cơ cấu đất trồng trọt và cải tạo độ màu mỡ, hạn chế xói mòn.</p>		
4.A.1	<p>Điều này nhằm xác định đất phù hợp cho cây cà phê. Vì thế cần xác định loại đất của mỗi trang trại hay nhóm các trang trại tương đồng dựa trên mô tả, phân tích về cấu trúc đất hay bản đồ đất của vùng. Điều này có thể được thực hiện thông qua xác định vị trí lô dựa trên bản đồ đất do địa phương hay trung ương xây dựng, hay do các viện nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Đất) hay các chuyên gia trong hay ngoài đơn vị thực hiện.</p>	Đánh giá độ màu của đất được thực hiện ở cấp ICS.
4.A.2	<p>Ví dụ về những thực hành này là việc sử dụng cây che bóng, phân vi sinh, trồng cây che phủ bề mặt, cây cố định đạm, bồi đất màu v.v...</p> <p>Những thực hành như vậy có thể dẫn đến tăng lượng chất hữu cơ và thành phần sinh học có ích.</p>	
4.A.3	<p>Ví dụ như trồng cây tạo bờ ngăn trên đất dốc, tạo mương máng, trồng cỏ, trồng cây và bụi bao quanh, bồi đất màu v.v...</p>	
<b>5. SỬ DỤNG PHÂN BÓN</b>		
<p>Các tiêu chí trong chương này là về lựa chọn phân bón để sử dụng, bảo quản và cách bón phân. Loại và lượng phân được sử dụng cần phải phù hợp với điều kiện cụ thể. Việc sử dụng phải được ghi chép lại.</p>		
<b>5.A Lựa chọn và sử dụng phân bón</b>		



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
5.A.1	Điều này có thể được thể hiện thông qua các văn bản chính thức, hay giấy chứng nhận tham gia các khoá tập huấn v.v... Trong trường hợp chỉ sử dụng phân bón hữu cơ, các loại phân tự làm hay phân bón truyền thống, năng lực được chứng minh bằng kinh nghiệm thực tế.	Người chịu trách nhiệm có thể là người được nhóm cử.
5.A.2	<p>Kế hoạch này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- phân tích loại phân và số lượng</li> <li>- giai đoạn bón và phương pháp bón</li> <li>- tuổi cây và mức thu hoạch</li> </ul> <p>Những kỹ thuật là cơ sở để khuyến cáo về phân bón có thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- sử dụng dự báo sản lượng</li> <li>- sử dụng phân tích đất</li> </ul>	Văn bản kế hoạch bón phân do ICS chuẩn bị.
5.A.3		Những hướng dẫn về cách sử dụng phân bón gần nguồn nước có thể được xây dựng ở cấp nhóm.
<b>5.B Ghi chép việc sử dụng phân bón</b>		
5.B.1	<p>Danh sách này có nêu các loại và số lượng</p> <p>Danh sách này được cập nhật hàng năm.</p> <p>Danh sách này nêu rõ nếu phân bón là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- hữu cơ hay vô cơ</li> <li>- mua ngoài hay do "tự sản xuất"</li> <li>- nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ con người (có độc hại hay không). Nếu có nguy cơ, cần nêu triệu chứng ngộ độc và những thông tin về sơ cấp cứu.</li> </ul>	Danh sách này được lưu tại cấp ICS.
5.B.2	Những hướng dẫn bao gồm cả các cách bón phân đảm bảo an toàn sức khoẻ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.	<p>Đối với hộ sản xuất qui mô nhỏ, có một lô, việc đăng ký những thông tin dưới đây có thể được chuẩn hoá cho việc ghi chép hay thông tin lưu tại cấp độ ICS nếu số liệu không thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- số hiệu phân biệt vườn, lô (tên, số hay code mã, vị trí)</li> <li>- phương pháp và thiết bị bón phân</li> <li>- người bón phân</li> </ul>
<b>5.C Thiết bị bón phân</b>		
5.C.1	Thiết bị bón phân vô cơ được xác nhận đảm bảo sử dụng tốt trong vòng 12 tháng qua.	ICS chỉ định một nhân viên kỹ thuật có khả năng bảo dưỡng tập trung cho tất cả các thiết bị
5.C.2	Việc kiểm định được thực hiện bởi những đơn vị chuyên ngành, đơn vị cung ứng thiết bị, thợ cơ khí có chuyên môn của đơn vị hay bởi nhà sản xuất. Không bắt buộc phải sử dụng các đơn vị nhà nước. Ở nơi không có các dịch vụ kiểm định chính thức, việc kiểm định phải được thực hiện theo một qui trình nội bộ. Các thiết bị được kiểm định cần được gắn mác có thể là một mác dán hay một hình thức nào có ghi ngày và tên người kiểm định.	Qui trình kiểm định được ICS xây dựng.
<b>5.D Lưu kho</b>		
Người sản xuất phải bảo quản lưu kho phân vô cơ và hữu cơ (dạng bột, viên và/hoặc nước), trừ phân vi sinh và đất mùn theo cách:		



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
5.D.1	<p>Phân bón phải được để riêng. Điều này có thể thực hiện bằng cách lưu kho phân bón trong hộp, thùng, giá ô khoá được đậy, che kín hay được ngăn bằng vách ngăn. Phân bón cần được để riêng theo thời gian. Cùng một vật dụng/thiết bị chứa có thể được sử dụng cho các loại phân bón khác nhau nhưng không được trong cùng một thời gian. Kho/vật chứa phải hoàn toàn trống khi lấy đi một loại và đưa vào một loại mới.</p>	
5.D.2	<p>Lưu kho phân hữu cơ phải cách xa nguồn nước ít nhất là 25 mét. Phân bón nước được bảo vệ bởi lớp chống thấm (tuân thủ theo qui định của pháp luật hay của địa phương) Đối với phân vô cơ, cần phải có một hệ thống thu gom chất lỏng để thu gom phân bón lỏng bị rò rỉ. Hệ thống thu gom này cần phải có khả năng chứa nhiều hơn 10% dung lượng của thùng chứa phân bón lỏng.</p>	<p>Tuân thủ theo đánh giá rủi ro, đối với phân hữu cơ khoảng cách này có thể nhỏ hơn 25 mét đối với nhóm.</p>
5.D.3	<p>Phủ bằng vải/ tấm nhựa có thể được chấp nhận dựa trên phân tích rủi ro (loại phân, điều kiện thời tiết và lưu kho tạm thời). Việc lưu kho không được để trực tiếp trên nền đất. Được phép để vôi và thạch cao dùng trong nông nghiệp trên vườn trong thời gian 1 hay 2 ngày trước khi đem rải. Phân vô cơ không được cất trữ trực tiếp trên nền đất.</p>	<p>Tiêu chí này được áp dụng đầy đủ cho tất cả các nhà kho trung tâm của nhóm. Nếu thành viên của nhóm có nhà kho riêng, nhóm được phép diễn giải và áp dụng một cách thích hợp những qui định này cho cấp độ nhóm.</p>
<b>5.E Phân hữu cơ</b>		
5.E.1	<p>Đánh giá này có thể do một cán bộ kỹ thuật thực hiện. Trong trường hợp đó là phân thương phẩm, nếu những thông tin như vậy có trên bao bì là đủ.</p>	<p>Đánh giá rủi ro có thể được thực hiện ở cấp độ ICS.</p>
5.E.2		
<b>6. TƯỚI TIÊU</b>		
<p>Mục tiêu của các tiêu chí trong chương này là nhằm kiểm tra đơn vị được chứng nhận và người sản xuất đã sử dụng nước tưới tiêu một cách hợp lý, không sử dụng quá nhiều hay quá ít. Đơn vị được chứng nhận dùng các phương pháp có tính hệ thống để xác định lượng nước tưới, để tránh sử dụng qua nhiều. Đơn vị được chứng nhận cũng cần quan tâm đến chất lượng nước tưới và tính bền vững của nguồn nước tưới. Nước tưới không bị nhiễm bẩn cả phê hay đất. Nước bùn tưới cả phê có thể bị lẫn độc tố và nấm mốc khác. Người sản xuất được tiếp cận với dịch vụ khuyến nông hoạt động tốt có thể có những thông tin số liệu và kiến thức để tính toán nhu cầu nước và từ đó cân đối hoạt động tưới tiêu. Với những người sản xuất nhỏ được tiếp xúc hạn chế hoặc không được tiếp xúc với các thông tin về thời tiết và hoạt động hỗ trợ kỹ thuật thì điều này là không thể. Đối với những đối tượng này thì nên có sự liên kết theo nhóm thay vì hoạt động độc lập.</p>		
<b>6.A. Dự đoán nhu cầu tưới tiêu</b>		
6.A.1	<p>Những số liệu này có thể có được theo nhiều cách khác nhau: từ trạm khí tượng gần nhất, qua internet, thông qua các công cụ đo cá nhân .v.v..</p>	<p>Những ghi chép này có thể được lưu tại cấp độ ICS. Việc thu thập số liệu có thể do ICS thực hiện.</p>
6.A.2		<p>Ghi chép được lưu tại cấp độ ICS.</p>
<b>6.B Phương pháp tưới</b>		
6.B.1	<p>Bản kế hoạch này đề ra những bước và các hành động cần được thực hiện trong quá trình tưới.</p>	<p>Kế hoạch hành động có thể do ICS thực hiện.</p>





N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
6.B.2	Hệ thống tưới được sử dụng là hệ thống tưới hiệu quả nhất có được và được chấp nhận như là một thực hành nông nghiệp tốt.	Ban quản lý ICS hướng dẫn các thành viên về hệ thống và/hoặc phương pháp tưới nước.
6.B.3	Ghi chép thể hiện ngày và khối lượng tưới theo đồng hồ đo nước hay theo đơn vị tưới tiêu. Nếu người sản xuất thực hiện chương trình tưới, thì khối lượng nước tưới ước tính và thực tế phải được ghi lại trong sổ ghi chép. Tất cả các giấy phép khai thác nước theo luật được lưu lại và có thể xuất trình.	
<b>6.C Chất lượng nước tưới</b>		
6.C.1		Đánh giá rủi ro và phân tích nước tưới có thể được thực hiện ở cấp độ ICS.
6.C.2	Khi có nghi vấn nước tưới từ nguồn có thể bị ô nhiễm (ví dụ vì đầu nguồn có cơ sở giặt hay có cộng đồng dân cư v.v..) người sản xuất phải chứng minh được thông qua phân tích nước rằng nguồn nước đó đảm bảo theo các qui định, hướng dẫn của WHO hay theo các qui định của pháp luật về tưới tiêu.	
<b>6.D Cung cấp nước tưới</b>		
6.D.1	Nguồn bền vững là nguồn cung cấp đủ nước trong điều kiện bình thường (trung bình). Nước được khai thác một cách bền vững nghĩa là tỷ lệ sử dụng ít hơn khả năng cung cấp của nguồn.	
6.D.2	Nếu qui định của pháp luật có yêu cầu, những văn bản hay giấy phép như vậy do cơ quan có thẩm quyền về nước cấp (công văn, giấy phép).	
<b>7. THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>		
Các tiêu chí đánh giá trong chương này liên quan đến việc lựa chọn các sản phẩm bảo vệ thực vật; cách sử dụng và bảo quản. Loại và lượng thuốc bảo vệ thực vật đưa vào sử dụng cần phải phù hợp với điều kiện thực tế. Việc sử dụng phải được ghi chép sổ sách.		
<b>7.A Lựa chọn và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật</b>		
7.A.1	Người có trách nhiệm phải chứng minh được năng lực bằng những bằng cấp chính thức, giấy chứng nhận đã tham gia tập huấn hay tài liệu kỹ thuật, ví dụ như những tài liệu kỹ thuật về sản phẩm. Người chịu trách nhiệm cũng có thể được một chuyên gia hay một tổ chức chuyên ngành tư vấn.	Người có trách nhiệm thuộc cấp độ nhóm.
7.A.2	Danh mục (Danh mục của UTZ CERTIFIED về các thuốc bảo vệ thực vật bị cấm ở EU, USA và/ hoặc Nhật Bản) có thể lấy từ trang web của UTZ CERTIFIED .	Những danh mục này cần được lưu tại cấp ICS.
7.A.3	Danh mục "Danh mục của UTZ CERTIFIED về Tối đa Dư lượng cho phép được xây dựng theo Luật An toàn Thực phẩm của Nhật" có thể lấy từ trang web của UTZ CERTIFIED.	Những danh mục này cần được lưu tại cấp ICS.
7.A.4	Những sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo khả năng phòng chống và bảo vệ dịch bệnh một cách hiệu quả về mặt kinh tế.	

N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
7.A.5	<p>Những sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật không được đăng ký cụ thể là dành cho cây cà phê nhưng thường xuyên được sử dụng cho nhu cầu của cây cà phê và được xác nhận của viện nghiên cứu cà phê quốc gia hay hội đồng cà phê quốc gia .</p> <p>Danh mục các loại thuốc bảo vệ thực vật được khuyến cáo sử dụng cho khu vực được xác định hay cho địa phương có thể có được từ các viện nghiên cứu cà phê, các cơ quan trung ương về nông nghiệp hay các viện chuyên ngành có thẩm quyền.</p>	
7.A.6	<p>Tài liệu này có thể có được tại trang web của FAO: <a href="http://www.fao.org/docrep/005/Y4544E/y4544e00.htm">www.fao.org/docrep/005/Y4544E/y4544e00.htm</a></p>	<p>Việc này được thực hiện ở cấp độ ICS đối với những sản phẩm mà các thành viên sử dụng.</p>
7.A.7		
7.A.8		
7.A.9		<p>Những lý giải như vậy được ghi lại thành văn bản tại cấp độ ICS và việc thực hiện được ghi chép tại hồ sản xuất.</p>
7.A.10		<p>Kế hoạch chống nhờn thuốc được đề ra ở cấp độ ICS.</p>
7.A.11	<p>Điều cơ bản trong IPM đó là việc cần phải nắm rõ vấn đề là gì trước sử dụng thuốc trừ sâu. So sánh chi phí thiệt hại do sâu bệnh với chi phí sử dụng thuốc trừ sâu bệnh một cách thích hợp để đưa ra quyết định khi nào thì sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, khi nào không.</p> <p>Người chịu trách nhiệm cần tìm hiểu những loại thuốc không hoá chất thay thế và phải chứng minh được chúng có khả năng thay thế, thông qua những bằng chứng bằng văn bản hay bằng chứng khác</p>	
<b>7.B Ghi chép việc sử dụng</b>		
7.B.1	<p>Danh sách này có nêu loại và số lượng. Việc ghi chép việc sử dụng, tất cả các lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải được thực hiện tuân thủ theo tiêu chí 7.B.3.</p>	<p>Danh mục này có thể được lưu tại cấp ICS.</p>
7.B.2	<p>Việc ghi chép tất cả các lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải được thực hiện tuân thủ theo tiêu chí 7.B.3.</p>	<p>Ban quản lý ICS cần cập nhật danh mục này ít nhất một lần một năm cho những loại thuốc được nhóm sử dụng. Việc cập nhật phải thường xuyên hơn nếu có khả năng thường xuyên có các loại thuốc mới được nhóm đưa vào sử dụng.</p>
7.B.3		<p>Đối với hộ quy mô nhỏ, hay hộ có một vườn đơn lẻ, việc ghi chép những nội dung dưới đây có thể được chuẩn hoá tại cấp độ ICS nếu số liệu không thay đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- nhận dạng vườn (tên, số hay mã code, địa điểm)</li> <li>- phương pháp sử dụng và thiết bị sử dụng</li> <li>- tên người phun, dùng thuốc</li> <li>- tên người khuyến cáo sử dụng thuốc đó</li> </ul>
7.B.4	<p>Nâng cao nhận thức của mọi người có thể như thông qua tập huấn và giải thích.</p> <p>Thông báo về thời gian tái tiếp cận có thể qua các biển báo, cờ đỏ, v.v..</p> <p>Có văn bản ghi chép hay phỏng vấn người sản xuất để chứng minh là thời gian không được phép tiếp cận sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được tôn trọng.</p> <p>Thiết bị/máy dùng trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có thể là bơm tay hay thùng khoác vai.</p>	<p>Cấp độ nhóm đưa ra những hướng dẫn về thời gian tái tiếp cận.</p>
7.B.5	<p>Hướng dẫn bao gồm cách sử dụng đảm bảo an toàn sức khoẻ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Cấp độ nhóm đưa ra những hướng dẫn về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi ở gần các nguồn nước.</p>



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
<b>7.C Thiết bị sử dụng</b>		
7.C.1	Thiết bị sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (thiết bị tự động hay không tự động) được xác nhận đảm bảo hoạt động tốt trong 12 tháng. Việc này cần được chứng nhận hay được ghi chép lại thông qua thực hiện một kế hoạch bảo dưỡng chính thức (nếu có) hay do một người có khả năng chuyên môn thực hiện.	Ban quản lý ICS chỉ định một cán bộ kỹ thuật người có thể thực hiện việc bảo dưỡng tập trung cho tất cả các thiết bị.
7.C.2	Các thiết bị/máy sử dụng có thể là máy bơm tay hay bình đeo vai. Việc kiểm định được thực hiện bởi các công ty chuyên ngành, bộ phận cơ khí chuyên trách nội bộ hay người sản xuất. Không bắt buộc phải thông qua đơn vị nhà nước. Ở đâu không có dịch vụ kiểm định chính thức, việc kiểm định phải được thực hiện theo một qui trình nội bộ. Thiết bị đã được kiểm định được gắn mác như một đề can dán hay hình thức khác trên đó có nêu ngày và tên người kiểm định.	Qui trình nội bộ về kiểm định được cấp ICS xây dựng.
<b>7.D Loại bỏ hợp chất thừa</b>		
Để tránh nhiễm độc nguồn nước, hợp chất thừa của thuốc bảo vệ thực vật hay nước súc rửa thùng đựng hoá chất phải được loại bỏ tuân thủ những qui định dưới đây:		
7.D.1		
7.D.2		
7.D.3		
<b>7.E Vận chuyển, bảo quản, sử dụng và pha trộn</b>		
7.E.1	Nên để trong bao nguyên gốc và được đóng lại cẩn thận để không bị đổ ra ngoài.	
Người sản xuất phải bảo quản các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật như sau:		
7.E.2		
7.E.3		
7.E.4		
7.E.5		
Đối với nơi bảo quản thuốc bảo vệ thực vật (đặc biệt với loại có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khoẻ và an toàn của con người và môi trường):		
7.E.6	Nơi bảo quản thuốc có thể là tủ, hộp hay nhà kho được là bằng những vật liệu như kim loại, bê tông, thép hay gạch để sản phẩm được bảo quản cẩn thận, có khoá và được thông gió tốt.	
7.E.7	Nơi bảo quản thuốc có thể là tủ, hộp hay nhà kho được là bằng những vật liệu như kim loại, bê tông, thép hay gạch để sản phẩm được bảo quản cẩn thận, có khoá và được thông gió tốt.	
7.E.8	Giá bằng gỗ có thể được sử dụng nếu được phủ một lớp như kẽm hay nhựa chịu được hoá chất.	



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
7.E.9	Trẻ em không được tiếp cận hay không thể tiếp cận.	
7.E.10	Điều này cũng áp dụng đối với những tủ, hộp có khoá hay nhà kho.	
7.E.11		
7.E.12		
7.E.13		
7.E.14	<p>Quy trình này nêu rõ những hướng dẫn sơ cứu cơ bản cũng như số điện thoại hay liên hệ radio. Mọi người đều có thể tiếp cận được qui trình này. Đơn vị cung ứng thuốc thường xuyên cung cấp các poster với những quy trình này.</p> <p>Cần phải có đủ trang bị (như xô hay chai lọ), có đủ sức chứa và nước để rửa sạch những dây, nhiễm.</p>	
<b>7.F Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng</b>		
7.F.1		
7.F.2		
7.F.3	Cần phải có điểm lưu trữ an toàn cho tất cả các bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trước khi chúng được xử lý, huỷ và nơi đó phải tách biệt với nơi để vật tư đóng gói và vật tư sản xuất.	
7.F.4	Chỉ khi những điểm thu gom chính thức được sử dụng cho việc xử lý, huỷ; những hoá đơn dịch vụ phải được lưu giữ.	
<b>7.G Thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng</b>		
7.G.1	Thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng là những loại thuốc không còn được sử dụng cho cây trồng vì lý do pháp lý hay vì lý do kỹ thuật hay do hết hạn sử dụng.	
7.G.2	Chỉ khi những điểm thu gom chính thức được sử dụng cho việc xử lý, huỷ; những hoá đơn dịch vụ phải được lưu giữ.	
<b>8. THU HOẠCH</b>		
<p>Bảo đảm bảo vệ sinh trong quá trình thu hoạch là tối quan trọng nhằm hạn chế sự hình thành nấm mốc (OTA) và những tác động tiêu cực lên chất lượng của cà phê thành phẩm và sức khoẻ của người tiêu dùng cuối cùng.</p>		
<b>8.A Phân tích rủi ro trong thu hoạch</b>		
8.A.1	<p>Phân tích này cũng bao gồm các phương pháp làm sạch và bảo quản các dụng cụ, thiết bị, máy móc, bao bì và các phương tiện vận chuyển để đảm bảo chúng không bị nhiễm bẩn.</p> <p>Phân tích có thể được dựa trên những qui định của quốc gia, khu vực và địa phương và những qui định của ngành.</p>	Phân tích rủi ro có thể được thực hiện ở cấp độ ICS.
8.A.2	Kế hoạch này nhấn mạnh đến những vấn đề có nguy cơ rủi ro cao như chống hình thành nấm mốc (OTA) và nhiễm hoá chất.	Kế hoạch hành động này có thể thực hiện ở cấp độ ICS.



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
8.A.3	<p>Những thực hành cơ bản là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- cà phê quả tươi rơi xuống đất không được để chung cùng cà phê mới được thu hái.</li> <li>- cà phê quả tươi bị để lại trên nền đất sau thu hái được nhặt lên và nên huỷ đi để phòng chống nấm bệnh và côn trùng hoặc phải được chế biến hoàn toàn riêng biệt với cà phê có thể được xuất khẩu nếu không có nguy cơ gây nấm mốc.</li> </ul>	<p>Ban quản lý ICS hướng dẫn những thành viên nhóm cách làm thế nào để giảm thiểu nguy cơ.</p>
<b>8.B Dụng cụ đo lường cà phê thu hoạch</b>		
8.B.1	<p>Thiết bị tiên tiến hơn như cân điện tử phải được kiểm định. Việc kiểm định được thực hiện bởi các công ty chuyên ngành, bởi đơn vị cung ứng thiết bị, thợ cơ khí nội bộ hay bởi người sản xuất. Không bắt buộc phải sử dụng đơn vị của nhà nước. Khi không có dịch vụ kiểm định chính thức, việc kiểm định phải được thực hiện theo qui trình nội bộ. Thiết bị được kiểm định được gắn mác, có thể là bằng đề can dán hay cách thức khác có nêu ngày và tên người kiểm định.</p>	
<b>9. CHẾ BIẾN SẢN PHẨM SAU THU HOẠCH</b>		
<p>Bảo đảm bảo vệ sinh trong quá trình chế biến sau thu hoạch là tối quan trọng nhằm hạn chế sự hình thành nấm mốc (OTA) và những tác động tiêu cực lên chất lượng của cà phê khi sử dụng và sức khoẻ của người tiêu dùng cuối cùng.</p>		
<b>9.A Phân tích rủi ro trong chế biến sau thu hoạch</b>		
9.A.1	<p>Phân tích có thể được dựa trên những qui định của quốc gia, khu vực và địa phương và những quy định của ngành.</p>	<p>Phân tích rủi ro có thể được thực hiện ở cấp độ ICS.</p>
9.A.2	<p>Kế hoạch này nhấn mạnh vào những vấn đề có nguy cơ cao như sự hình thành nấm mốc (OTA) và nhiễm hoá chất.</p>	<p>Kế hoạch hành động này có thể thực hiện ở cấp độ ICS.</p>
9.A.3	<p>Các trang thiết bị đó có thể là bể lên men và ngâm, nhà kho, bàn sấy, sân và máy móc phân loại và cân.</p>	<p>Trong trường hợp nhóm hộ sản xuất có thiết bị chà vỏ tại gia đình, ICS phải có qui trình làm sạch và bảo quản, tập huấn cho các thành viên thực hiện theo qui trình này.</p>
9.A.4	<p>Hạn chế có nghĩa là các biện pháp đã được thực hiện để phòng và tránh việc tiếp cận của súc vật và các phương tiện đi vào khu vực chế biến, phơi khô và bảo quản. Điều này cũng bao gồm việc không cho phép đi lên cà phê đang phơi khô. Khi đảo cà phê, người sản xuất hay công nhân phải có biện pháp để hạn chế làm hư hại và nhiễm bẩn cà phê.</p>	
9.A.5		
<b>9.B Chế biến ướt</b>		
9.B.1	<p>Cần có những bằng chứng rõ ràng bằng văn bản hay có thể nhìn thấy hay bằng lời về các biện pháp được thực hiện để sử dụng (tái sử dụng) nước hiệu quả.</p>	<p>Kế hoạch hành động có thể được thực hiện ở cấp độ ICS.</p>
9.B.2	<p>Nước sạch có nghĩa là nước không đưa tạp chất (ví dụ nấm mốc) vào quá trình chế biến. Nước sạch không nhất thiết phải là nước có thể uống được. Các chất không được có trong nước là các chất thải của người và gia súc hay các loại khác có mang các chất có thể nguy hại đến sức khoẻ con người, các tạp chất hữu cơ (như bùn).</p> <p>Nước mà bằng mắt không thấy sạch không được sử dụng.</p> <p>Có thể phân tích nước tại phòng thí nghiệm tuy nhiên không bắt buộc.</p>	



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
9.B.3	<p>Hiệu quả của quá trình xử lý được đánh giá thông qua biểu hiện vật lý của nước và những bằng chứng trực quan về nhiễm bẩn.</p> <p>Nước thải từ quá trình chế biến ướt ít nhất phải được thu gom để phòng chống việc ô nhiễm ví dụ như thu trong hồ chứa hay thu vào khu vực xử lý.</p> <p>Xử lý có thể bằng quá trình lắng lọc, vi sinh, ôxy hoá v.v..</p>	
<b>9.C Chế biến khô</b>		
9.C.1	<p>Những thực hành cơ bản là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- phải tránh để cà phê khô tiếp xúc trực tiếp với đất thông qua sử dụng những luống phơi, tấm nhựa lót hay sân phơi.</li> <li>- tránh để cà phê khô bị ướt trở lại do mưa</li> <li>- cà phê quả tươi phải được để riêng khỏi cà phê đang trong quá trình chế biến</li> <li>- cà phê khô phải được đảo thường xuyên để thông gió</li> <li>- các lớp cà phê đang phơi, sấy không dày hơn 5 cm</li> <li>- trang thiết bị, cơ sở phơi sấy phải được giữ sạch</li> </ul>	
<b>9.D Xây xát, bảo quản và vận chuyển</b>		
9.D.1	<p>Những thực hành cơ bản là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- những loại cà phê khác nhau (quả tươi, đã xát vỏ, cà phê nhân) phải được bảo quản riêng và được đánh dấu rõ ràng</li> <li>- cà phê thải loại phải được bảo quản riêng với cà phê "tốt" và được đánh dấu rõ ràng; cà phê không được chứng nhận phải được để riêng khỏi cà phê được chứng nhận và được đánh dấu rõ ràng.</li> <li>- nơi bảo quản phải có mái che không dột và được thông gió tốt</li> <li>- sử dụng bao chứa sạch và khô để bảo quản cà phê đã được sấy, làm sạch tại nơi sạch sẽ vệ sinh;</li> <li>- cà phê được xếp cách tường ít nhất 30cm</li> <li>- các bao chứa cà phê có dấu hiệu mốc nhìn thấy hay ngửi thấy phải phân biệt và để riêng với cà phê khác để tiếp tục tìm hiểu thêm</li> </ul> <p>Những điều này phải được ghi chép lại có số hiệu của lô đó.</p>	
9.D.2	<p>Những biện pháp đáng tin cậy là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những biện pháp truyền thống</li> <li>- Xác định độ ẩm bằng cách so sánh (trong lượng của mẫu cà phê)</li> <li>- Dùng máy đo độ ẩm</li> </ul> <p>Độ ẩm của cà phê tối đa là 12,5% ở cuối qui trình sấy. Nếu quy định pháp lý hay quy định riêng của khách hàng yêu cầu độ ẩm thấp hơn thì phải đảm bảo mức thấp hơn đó.</p>	
9.D.3	<p>Trong quá trình bốc dỡ hàng, không được để cà phê nhân khô bị phơi mưa. Trong quá trình vận chuyển, cần phải có tấm nhựa không thấm nước phủ lên trên để tránh cho cà phê bị ướt. Xe tải vận chuyển phải sạch, khô và không làm ướt khu vực chế biến.</p>	



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
<b>10. QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</b>		
Chương này đề cập đến những vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi cho các thành viên nhóm và công nhân. Một công nhân là người làm việc cho một trang trại hay một cơ sở chế biến, có thể là lao động dài hạn hay mùa vụ, là những người được trả công cho lao động của mình.		
<b>10.A Quản trị rủi ro điều kiện lao động</b>		
10.A.1	Phân tích này cần được xem xét lại hàng năm. Đơn vị được chứng nhận có thể nhờ một đơn vị độc lập có năng lực thực hiện phân tích rủi ro này và có thể tham gia vào một phân tích cho một nhóm những người sản xuất.	Đánh giá này có thể được thực hiện ở cấp ICS.
10.A.2	Kế hoạch này xác định những nguy cơ và các bước cần thiết để phòng các tai nạn và thương tích thông qua giảm thiểu các nguyên nhân tai nạn trong môi trường làm việc. Người chịu trách nhiệm được nêu trong kế hoạch này. Kế hoạch này cần được xem xét và cập nhật khi đánh giá rủi ro có những thay đổi.	Kế hoạch hành động có thể được thực hiện ở cấp độ ICS. Người chịu trách nhiệm có thể thuộc cấp quản lý nhóm. Mọi thành viên trong nhóm có thể tiếp cận được và biết người này.
10.A.3	Những qui định về quyền lợi của người lao động được nêu trong tiêu chí 10.F. Nếu không có lao động làm thuê thì tiêu chí thành tra này là không áp dụng.	Người chịu trách nhiệm có thể thuộc cấp quản lý nhóm. Người này được tất cả các thành viên nhóm biết đến và có thể tiếp cận được.
10.A.4	Thường xuyên có nghĩa là ít nhất 1 lần một năm. Cởi mở có nghĩa là không cảm thấy sợ hãi hay không bị đe dọa. Thanh tra viên không cần thiết phải đánh giá về nội dung, tính chính xác của kết quả của những cuộc họp như vậy.	Các cuộc họp có thể được tổ chức giữa đơn vị được chứng nhận và các thành viên nhóm.
<b>10.B Tập huấn về sức khỏe và an toàn lao động</b>		
10.B.1	Các chất độc hại bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hoá chất, chất tẩy trùng hay thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Công nhân phải chứng minh được năng lực của mình thông qua quan sát trực tiếp hay có những bằng chứng đã được hướng dẫn. Người đào tạo có đầy đủ các chứng chỉ về đào tạo. Không nhất thiết phải là những chứng chỉ, bằng cấp chính thức của nhà nước.	Tập huấn về sức khỏe và an toàn lao động do ICS thực hiện.
10.B.2		Những ghi chép đó được lưu tại ICS.
10.B.3	Đào tạo dựa trên đánh giá rủi ro (10.A.1) Đào tạo đó được thực hiện trong vòng 5 năm vừa qua và có bằng chứng bằng các văn bằng hay chứng nhận tham gia.	Đào tạo này được thực hiện ở cấp ICS.
<b>10.C Cơ sở, trang thiết bị y tế và an toàn lao động và qui trình cứu hộ</b>		
Trách nhiệm của đơn vị được chứng nhận là phải đảm bảo tất cả công nhân hiểu và thực hiện theo qui trình về điều kiện lao động an toàn và đảm bảo sức khỏe và có thể tiếp cận tốt nhất với công tác cấp cứu y tế cơ bản.		
10.C.1	Hộp thuốc sơ cứu cần có những loại thuốc và vật dụng sơ cứu cho những thương tích và đau nhẹ bất ngờ xảy ra. Không có danh mục bắt buộc đối với thuốc và vật dụng y tế cho hộp thuốc sơ cứu. Quyết định cần phải có loại nào là dựa trên đánh giá về nhu cầu cấp cứu của đơn vị được chứng nhận. Cơ quan y tế địa phương cũng có thể chỉ ra nội dung Hộp thuốc sơ cấp cứu thì cần có gì. Người quản lý Hộp thuốc sơ cứu có thể mang theo người để phòng mất trộm, nếu công nhân luôn biết được hộp sơ cứu đó ở đâu.	Hộp thuốc sơ cấp cứu có thể để ở địa điểm trung tâm.



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
10.C.2	<p>Phương tiện liên lạc có thể là điện thoại, radio v.v..                      Số điện thoại khẩn cấp có thể là số cứu thương, công an v.v..                      Đối với nơi chế biến, qui trình bằng văn bản cũng nêu:                      - địa điểm của bình cứu hoả;                      - lối thoát hiểm                      - nơi ngắt điện, gas và nguồn nước trong trường hợp khẩn cấp</p>	<p>Qui trình này do ICS soạn thảo.</p>
10.C.3		
10.C.4	<p>Qui trình này được làm bằng ngôn ngữ phổ biến đối với công nhân và/hoặc bằng các biểu tượng. Có thể là các hình vẽ và ký hiệu minh họa. Nhà sản xuất giải thích qui trình cho những công nhân không biết đọc và/hoặc viết. Qui trình này phải được treo tại địa điểm trung tâm lối vào khu vực sản xuất và chế biến, gần máy móc, trên cửa khu lưu kho hoá chất v.v..</p>	
10.C.5	<p>Những tai nạn tiềm ẩn được nêu trong đánh giá rủi ro (10.A.1)                      Những tai nạn tiềm ẩn có thể có tại kho bảo quản chất độc hại, vật tư dễ cháy, phân bón hay nơi bảo quản thuốc bảo vệ thực vật. Phải có các thông tin về triệu chứng nhiễm độc và thông tin sơ cấp cứu.</p>	
10.C.6	<p>Những điều kiện trợ giúp được cung cấp dựa trên đánh giá rủi ro (10.A.1).</p>	
<b>10.D Quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, quần áo và thiết bị bảo hộ</b>		
10.D.1	<p>Quần áo và thiết bị bảo hộ thích hợp như giầy cao su, quần áo không thấm nước, áo khoác bảo hộ, găng tay cao su, mặt nạ v.v... Gồm cả bình thở thích hợp, thiết bị bảo vệ tai và mắt và áp phao, ở những nơi cần thiết. Đối với thiết bị bảo hộ không nhất thiết phải có code/dấu đăng ký chính thức.</p>	
10.D.2		
10.D.3		
10.D.4	<p>Quần áo và trang thiết bị bảo hộ cần được giặt riêng khỏi các quần áo khác.</p>	
10.D.5	<p>Việc kiểm tra sức khoẻ này phải được lưu lại bằng chứng và tuân thủ các qui chế của quốc gia, khu vực và địa phương hay theo qui chế ngành. Kết quả kiểm tra sức khoẻ phải được cất riêng.</p>	
10.D.6	<p>Tiêu chí này không được sử dụng như một lý do bắt phụ nữ khám thai sản trước khi tuyển dụng.</p>	
<b>10.E Vệ sinh và duy trì điều kiện vệ sinh tốt</b>		





N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
10.E.1	<p>Những hướng dẫn này cần có tốt thiểu những thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- sự cần thiết phải rửa tay</li> <li>- băng bó vết đứt tay</li> <li>- hạn chế hút thuốc, xác định nơi sạch sẽ dành riêng cho ăn uống và khu vực không hút thuốc</li> <li>- thông báo rõ nếu có bất cứ vấn đề lây nhiễm hay các điều kiện liên quan</li> <li>- sử dụng quần áo bảo hộ thích hợp</li> </ul>	
10.E.2	<p>Đối với công nhân thu hái, trang bị để rửa tay có thể được bố trí cố định hay lưu động. Đối với công nhân thu hái, nhà vệ sinh có thể được bố trí cố định hay lưu động (có thể là nhà vệ sinh loại hố ủ) được xây bằng các vật liệu để rửa có bồn thu chất thải tránh gây nhiễm bẩn trên vườn và công nhân có thể tiếp cận.</p>	
10.E.3		
10.E.4	<p>Điều này để tránh tạo môi trường phát triển sâu bệnh có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm. Cần có biện pháp để thu gom và xử lý rác sinh hoạt rác khác. Rác phải được xử lý hay lưu bãi có phân biệt các loại rác khác nhau. Những khu vực sản xuất trong nhà phải được dọn sạch ít nhất một lần một ngày.</p>	
<b>10.F Quyền lợi của người lao động</b>		
Đơn vị được chứng nhận phải tuân thủ một số công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế ILO.		
10.F.1	Cần phải ghi tên và giới tính của người đó rõ ràng.	Trong trường hợp nhóm, tiêu chí này áp dụng đối với khu sản xuất/chế biến tập trung và người sản xuất có trên 10 công nhân.
<b>Tự do tham gia hiệp hội và quyền mặc cả tập thể</b>		
10.F.2	Nơi mà qui định luật pháp không xác định rõ quyền này, đơn vị được chứng nhận phải tạo điều kiện và không được cản trở việc phát triển các hình thức tham gia thành lập hiệp hội tự do và mặc cả tập thể.	
10.F.3		
<b>Bóc lột lao động</b>		
10.F.4		
<b>Lao động trẻ em</b>		
10.F.5	Nếu đơn vị được chứng nhận, trước khi được chứng nhận có tuyển dụng trẻ em và phải ngừng sử dụng trẻ em để được chứng nhận, cần phải có chính sách và qui chế để giúp những trẻ em đó tham gia và duy trì việc học tập có chất lượng cho đến hết tuổi trẻ em.	
10.F.6	Trên trang trại gia đình, trẻ em có thể tham gia công việc trên vườn trong điều kiện như (và nơi nào qui định pháp luật không cấm điều này): công việc không làm tổn hại đến sự phát triển cơ thể và tinh thần của trẻ em hay không gây gián đoạn việc đến trường của chúng. Chúng không tham gia các công việc độc hại như được nêu ở trên và luôn đi cùng người lớn là họ hàng của mình.	
<b>Phân biệt đối xử</b>		



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
10.F.7		
<b>Thời gian làm việc</b>		
10.F.8	Tiêu chí này không áp dụng đối với những người giữ chức danh quản lý và giám sát.	
10.F.9		
10.F.10	Công nhân phải hiểu rõ thời gian nghỉ giải lao và ban quản lý phải tuân thủ.	
10.F.11		Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập).
<b>Tiền công và hợp đồng</b>		
10.F.12	Nếu tiền công tối thiểu được hình thành dựa trên một khoản nhất định cho một ngày làm việc 8 tiếng, công nhân có thể được nhận 50% số tiền công này khi là việc 50% thời gian một ngày làm việc. Nếu công nhân được trả công theo đơn vị/kết quả công việc (ví dụ như khối lượng cà phê thu hái hay lượng cắt tỉa) trong thời gian 8 giờ làm việc một ngày (tối đa 6 ngày làm việc một tuần) thì công nhân được nhận mức lương tối thiểu theo qui định của pháp luật hay qui chế ngành. Mức tối thiểu cho một ngày 8 giờ làm việc được dựa trên kết quả công việc đạt được.	
10.F.13		
10.F.14	Đối với công nhân dài hạn, hợp đồng cần ghi rõ những chi tiết như trả tiền ngoài giờ, tiền tạm ứng, các lợi ích, các phụ cấp và khoản giảm trừ.	
<b>Các điều khoản về chăm sóc bà mẹ và trẻ em.</b>		
10.F.15	Công nhân quay lại làm việc sau thời gian nghỉ đẻ phải được làm công việc như trước với điều kiện và điều khoản như trước khi nghỉ.	Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập).
<b>Đối xử tôn trọng đối với công nhân</b>		
10.F.16		
10.F.17		
10.F.18		
10.F.19		
<b>10.G Điều kiện tuyển dụng của công nhân</b>		
<b>Nhà ở</b>		
10.G.1		Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập).
10.G.2	Ở nước mà điều kiện sử dụng điện hạn chế và nơi mà đơn vị được chứng nhận cũng không có điện, thì không thể đòi hỏi đơn vị được chứng nhận cung cấp điện cho công nhân.	
<b>Giáo dục</b>		



Nº	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
10.G.3	Được ghi chép lại có nghĩa là có bằng chứng như chương trình họp, sổ công nhân có mặt, ảnh của buổi họp v.v...) Nếu trẻ em không đến trường, người công nhân cần phải giải thích được lý do với thanh tra viên độc lập.	Những buổi họp như vậy có thể do ban quản lý ICS tổ chức.
10.G.4		Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập).
10.G.5		Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập).
10.G.6	Được ghi chép lại có nghĩa là có bằng chứng như chương trình họp, sổ công nhân có mặt, ảnh của buổi họp v.v...)	Những buổi họp như vậy có thể do ban quản lý ICS tổ chức.
<b>Hỗ trợ y tế</b>		
10.G.7	Tiếp cận được có nghĩa là cung cấp phương tiện vận chuyển và/hoặc cung cấp cơ sở chăm sóc y tế cơ bản như bác sĩ, y tá hay tư vấn viên y tế.	Tiêu chí này chỉ bắt buộc đối với đơn vị độc lập (như chứng nhận trang trại độc lập)
10.G.8		Đơn vị được chứng nhận tổ chức những buổi họp cho các thành viên nhóm cùng gia đình họ để thông báo về những vấn đề này.
10.G.9		Đơn vị được chứng nhận tổ chức những buổi họp cho các thành viên nhóm cùng gia đình họ để thông báo về HIV/AIDS
<b>11. Tài nguyên thiên nhiên và Đa dạng sinh học</b>		
Lưu ý là các vấn đề về sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón và chống xói mòn đất đã được đề cập đến trong các chương trước. Rác và chống ô nhiễm được đề cập đến trong các tiêu chí khác trong suốt bộ nguyên tắc.		
<b>11.A. Quản trị rủi ro và bảo tồn</b>		
11.A.1		Việc đánh giá được thực hiện ở cấp độ ICS.
11.A.2	Những hành động điều chỉnh để bảo vệ môi trường phải được ghi chép lại.	Chương trình hành động do ICS xây dựng.
11.A.3	Trong kế hoạch bảo tồn cần có phần đánh giá cơ sở về tính đa dạng động vật và thực vật trong khu vực sản xuất. Tính đa dạng động vật và thực vật trong khu vực sản xuất cần phải được giám sát.	
11.A.4		
<b>11.B Nguồn nước</b>		
11.B.1	Phân vô cơ và hữu cơ (nhất là phân bắc) và các loại thuốc bảo vệ thực vật phải được bảo quản và sử dụng theo cách đảm bảo phòng chống gây ô nhiễm. Nước thải không qua xử lý như nước thải có các chất tẩy rửa sử dụng trong làm vệ sinh máy móc không được xả vào hệ thống nước tại địa phương.	
11.B.2	Vùng đầu nguồn nước và thảm thực vật hai bên sông phải được bảo vệ. Khuyến cáo nên có vùng đệm trồng cây cỏ cho các thảm thực vật tự nhiên nhằm mục đích ngăn, lọc các hoá chất nông nghiệp ngấm vào đất và bảo vệ khỏi việc nông hoá phẩm bị phun tràn lan ra ngoài khu vực cần thiết.	
<b>11.C Rừng và đa dạng sinh học</b>		



N <sup>o</sup>	HƯỚNG DẪN CHUNG	HƯỚNG DẪN DÀNH CHO ICS
11.C.1	Các biện pháp nhằm mục đích gây suy yếu hay phá cây cối dẫn đến phá rừng tuy có thể không phạm luật là không được chấp nhận.	
11.C.2	Người sản xuất phải tuân thủ các qui định của pháp luật và địa phương liên quan đến sử dụng đất và bảo tồn đa dạng sinh học đối với tất cả các khu trồng mới.	
11.C.3	Phải có bằng chứng về việc bồi thường với giá trị ít nhất là bằng giá trị sinh thái, bao gồm cả việc phủ xanh lại một khu vực rộng hơn với các loài cây bản địa xen lẫn hay việc hình thành những hành lang cho thiên nhiên hoang dã.	
11.C.4	Nên có ghi chép về chất lượng và ngày sử dụng gỗ.	
11.C.5	<p>Những vấn đề sau cần được quan tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khi hậu, độ ẩm, thời gian nắng và mưa</li> <li>- đất và độ màu mỡ</li> <li>- các giống cà phê</li> <li>- độ dốc</li> <li>- nguy cơ xói mòn</li> <li>- cây che bóng tạm thời hay vĩnh viễn</li> </ul> <p>Nếu các giống cây bản địa được chuyên gia hay người có chuyên môn khuyến cáo sử dụng, người sản xuất làm theo khuyến cáo này.</p>	Cấp độ ICS tiến hành xem xét vấn đề năng xuất.
11.C.6	Những khu vực này bao gồm vùng đất thấp ngập nước, đất rừng, những đèo đất đầu bờ và những khu vực đất nghèo dinh dưỡng.	
11.C.7	<p>Khu vực bảo tồn bao gồm có khu bảo tồn quốc gia, những khu bảo tồn thiên nhiên, khu vào tồn động vật hoang dã, công viên tư nhân v.v..</p> <p>Nếu khu vực sản xuất nằm trong khu bảo tồn hay các khu vực khác không được phê chuẩn làm đất sản xuất nông nghiệp, cần có biện pháp để dừng những hoạt động sản xuất này.</p>	
11.C.8	Mục tiêu nhằm là các hoạt động canh tác không gây tổn hại đến khu bảo tồn và xung đột lợi ích con người – động vật hoang dã được quản lý một cách thích hợp.	
11.C.9		
<b>11.D Nguồn năng lượng và việc sử dụng nguồn năng lượng</b>		
11.D.1		ICS thực hiện công tác giám sát và lưu giữ ghi chép. Đối với những hộ sản xuất qui mô nhỏ sử dụng ít năng lượng trên vườn, việc giám sát và ghi chép chỉ cần được thực hiện ở những địa điểm trung tâm.
11.D.2	Điều này được chứng minh thông qua những ghi chép về việc sử dụng năng lượng qua thời gian.	
11.D.3	Có thể là sử dụng năng lượng mặt trời, thủy điện và năng lượng gió cho việc sấy cà phê.	
11.D.4	Những phụ phẩm này không được có cà phê bị nấm mốc.	